

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Khử trùng Việt Nam

Ngày 31/03/2025	71,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.9%	-	2.0%

DT thuần Q1/25
1,066
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 270 33.9%
YoY: ▲ 100 10.3%

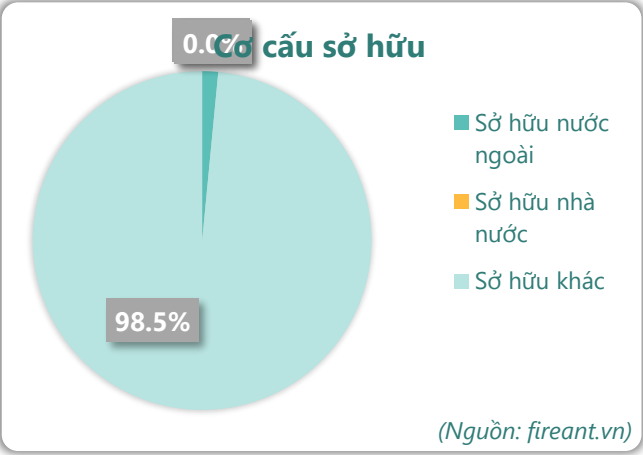
LN thuần Q1/25
119
tỷ VNĐ
QoQ: ▼33.0 -21.6%
YoY: ▲ 21.4 22.2%

LN sau thuế Q1/25
95.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼20.8 -18.0%
YoY: ▲ 16.5 20.9%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
11.3%
YoY: +/-▼ 8.0%

ROE (TTM) Q1/25
32.6%
YoY: +/-▼ 0.4%

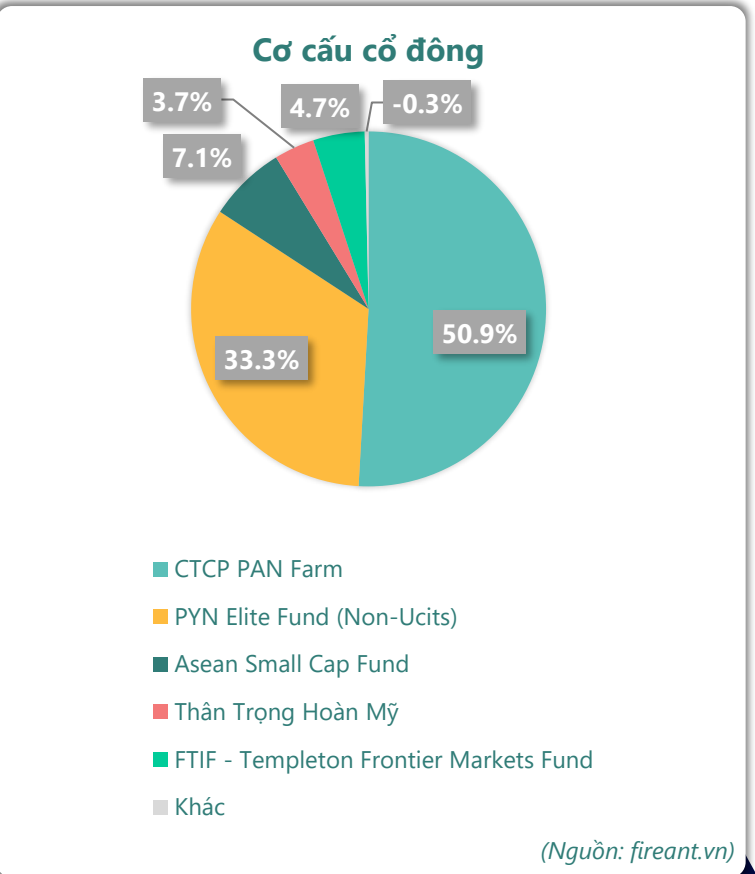
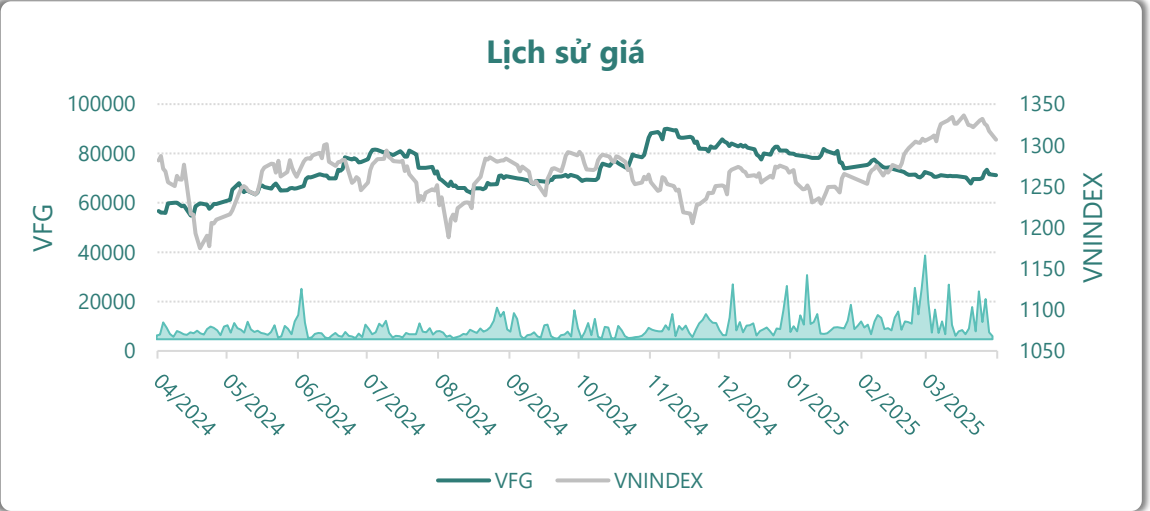
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	54,867 - 90,021
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,970
Số lượng CPLH (CP)	41,712,614
KLGD BQ 20 phiên (CP)	31,130
Sở hữu nước ngoài	1.5%
Beta	
EPS	11,629
P/E	6.1



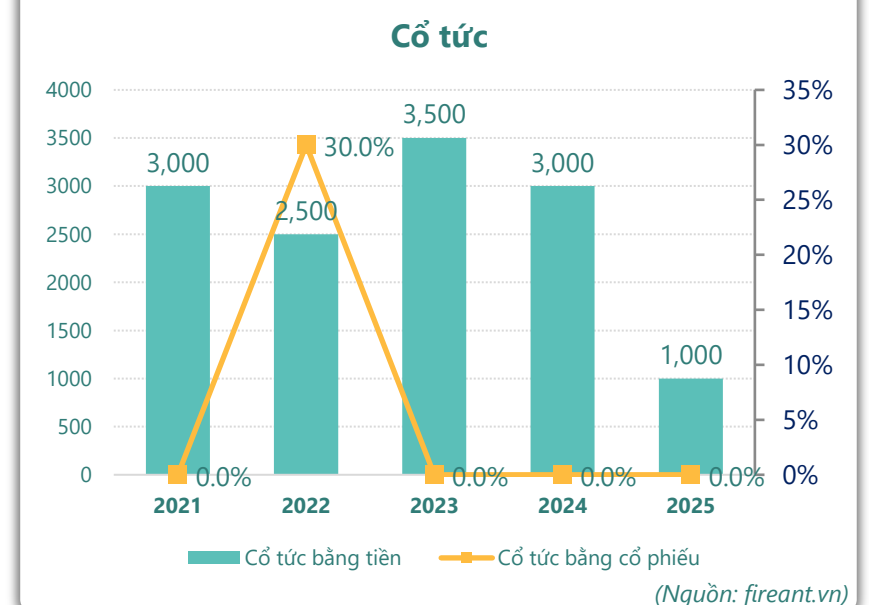
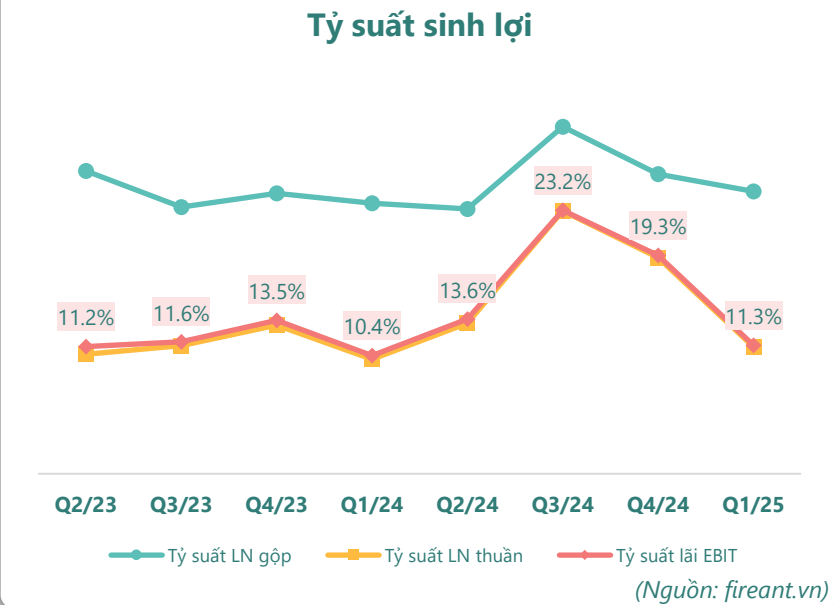
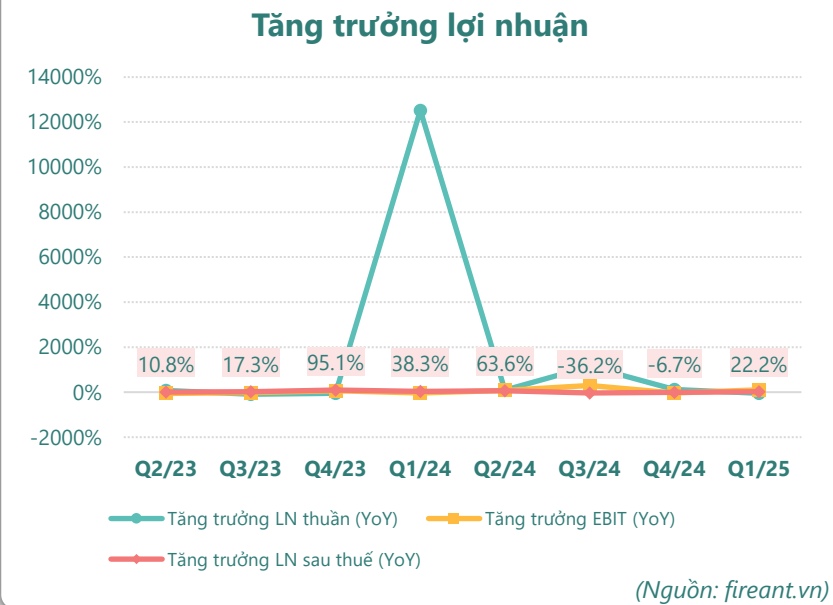
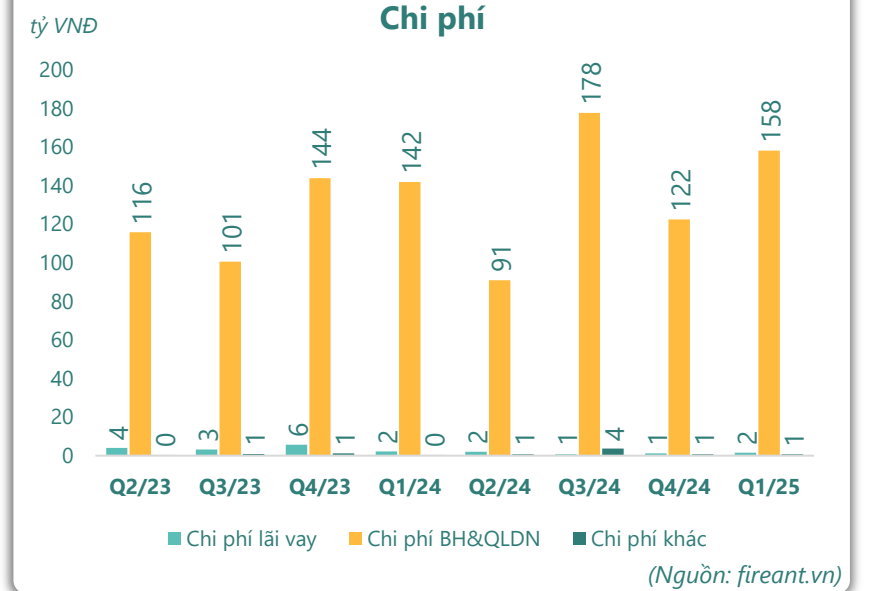
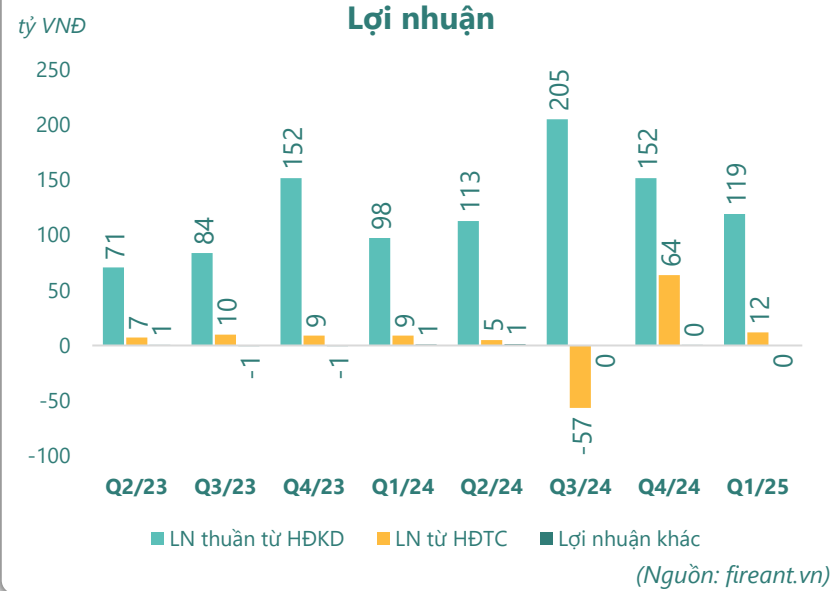
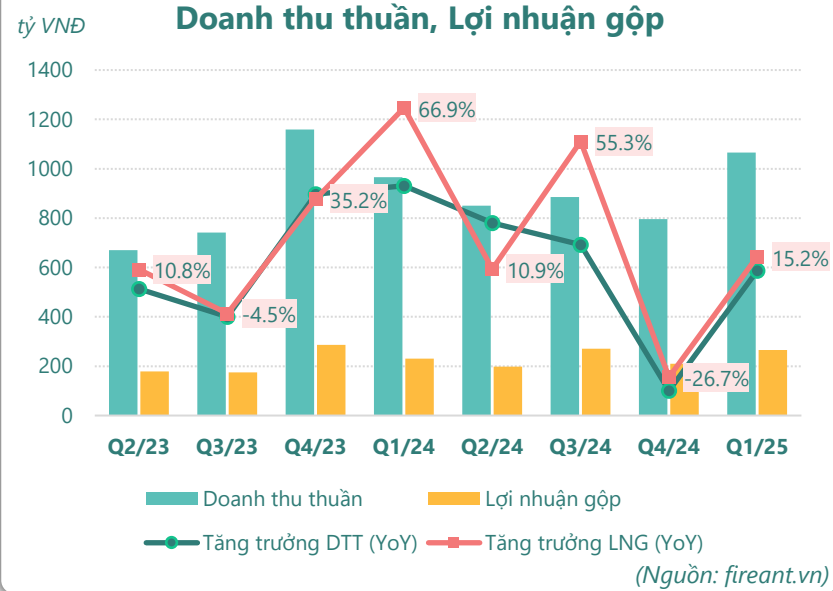
DT thuần 2024
3,497
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 235 7.2%

LN thuần 2024
568
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 191 50.8%

LN sau thuế 2024
471
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 175 59.4%



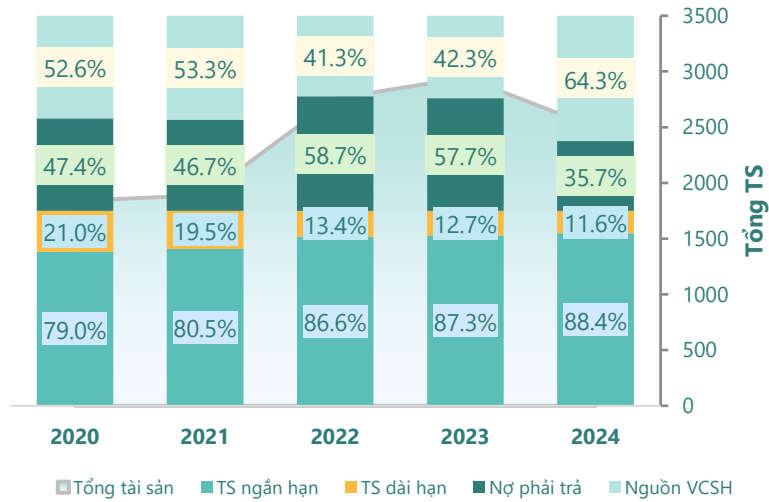
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

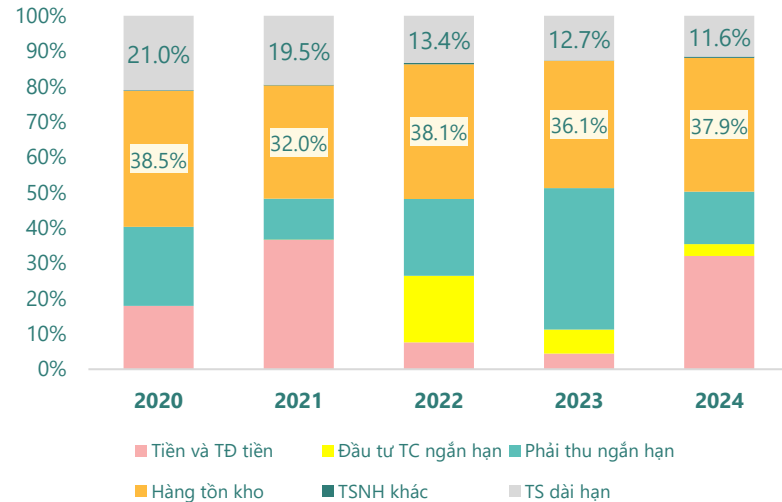
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

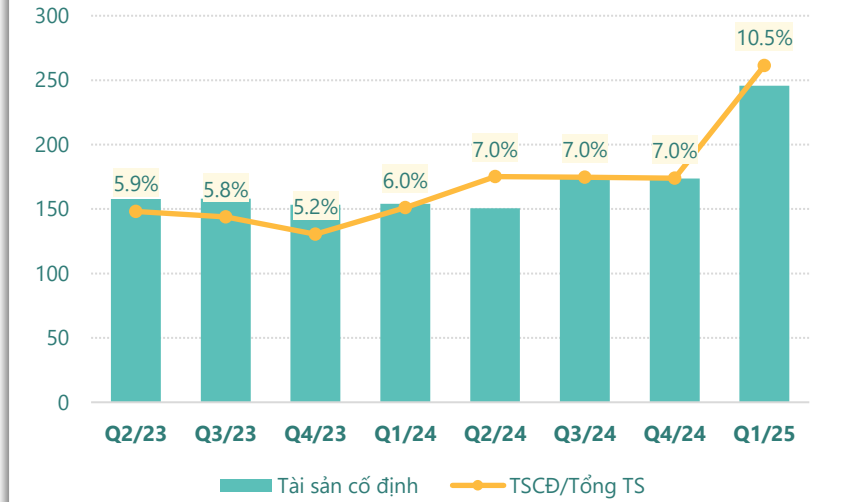
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

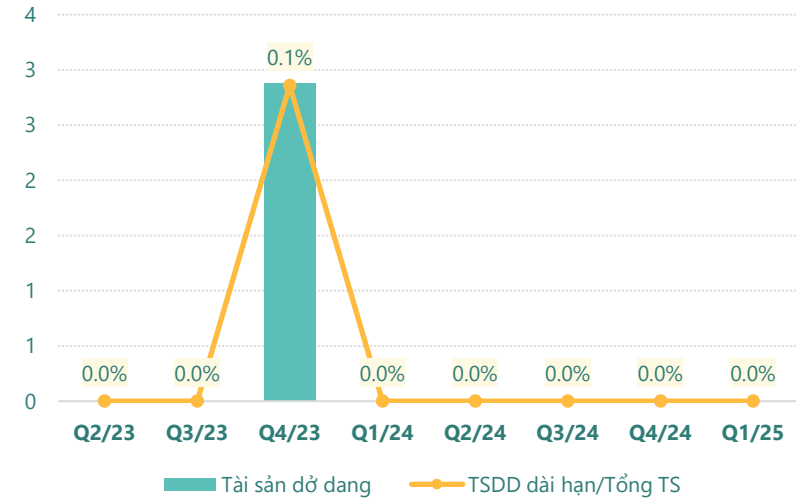
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

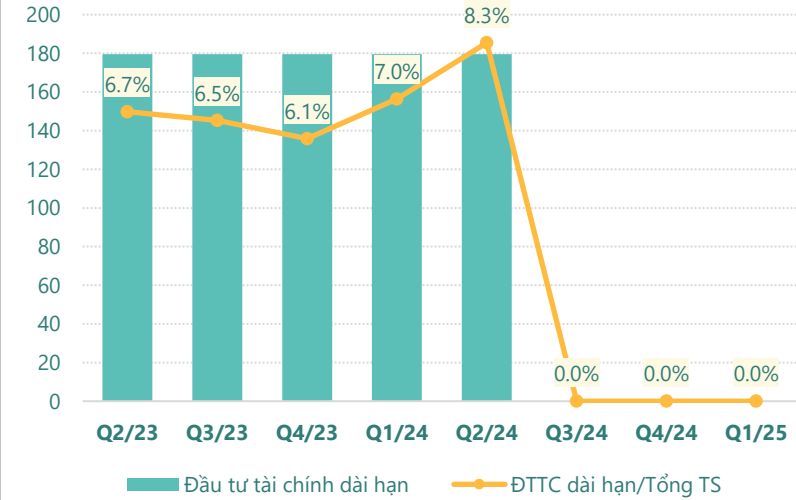
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

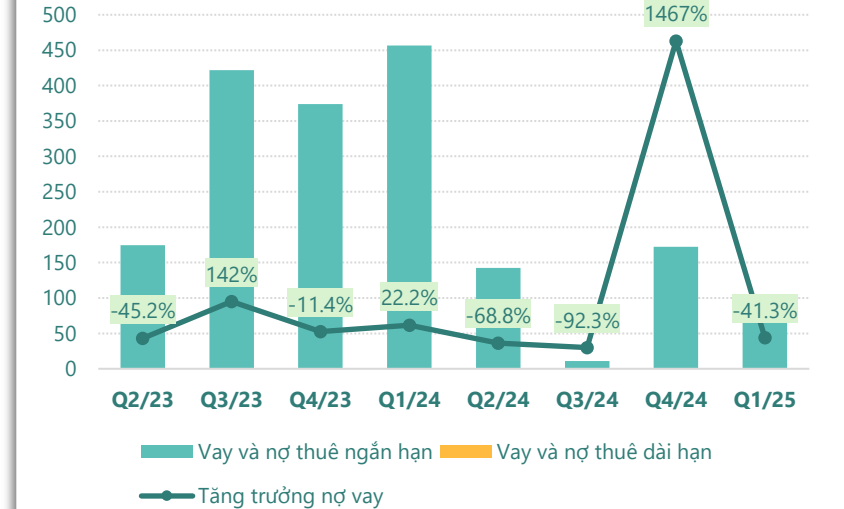
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

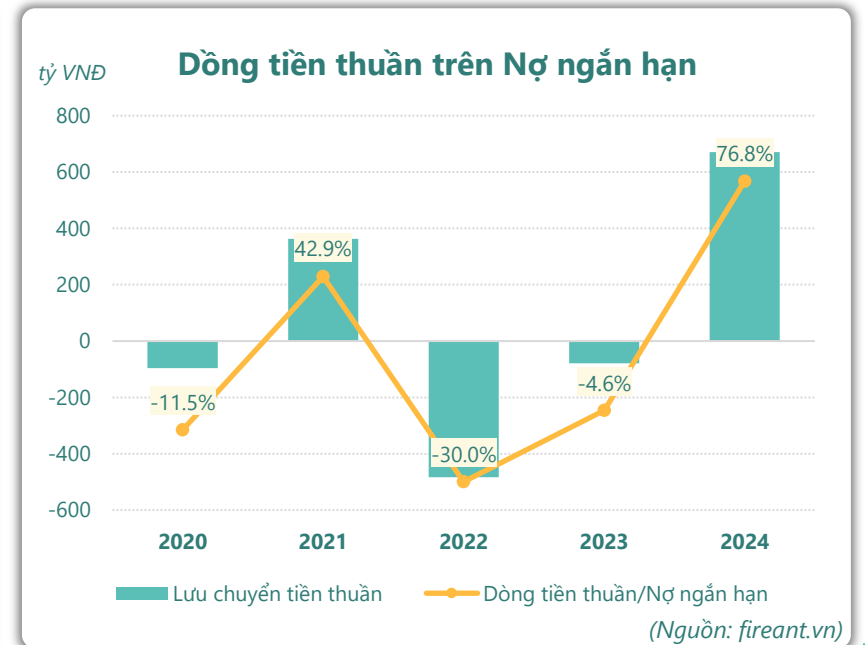
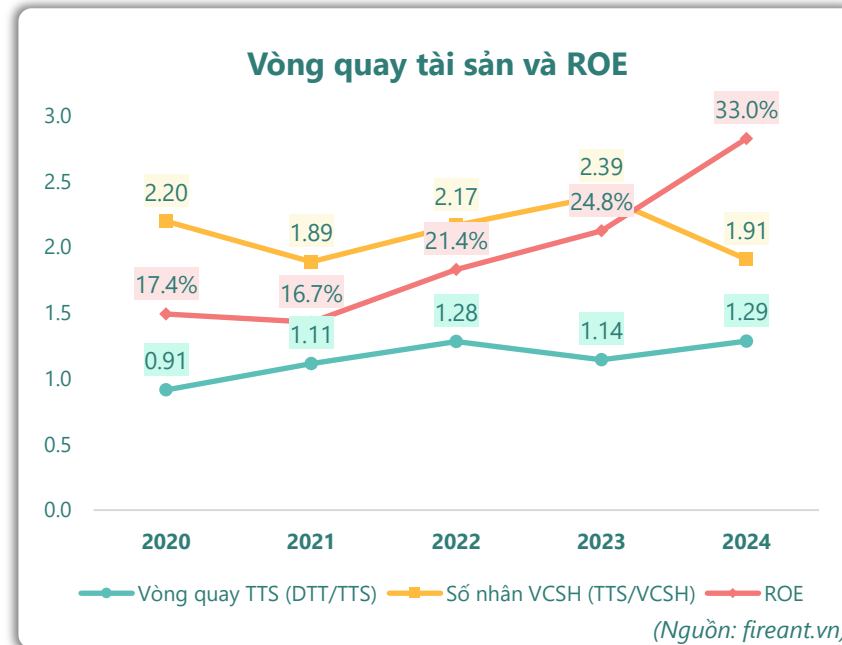
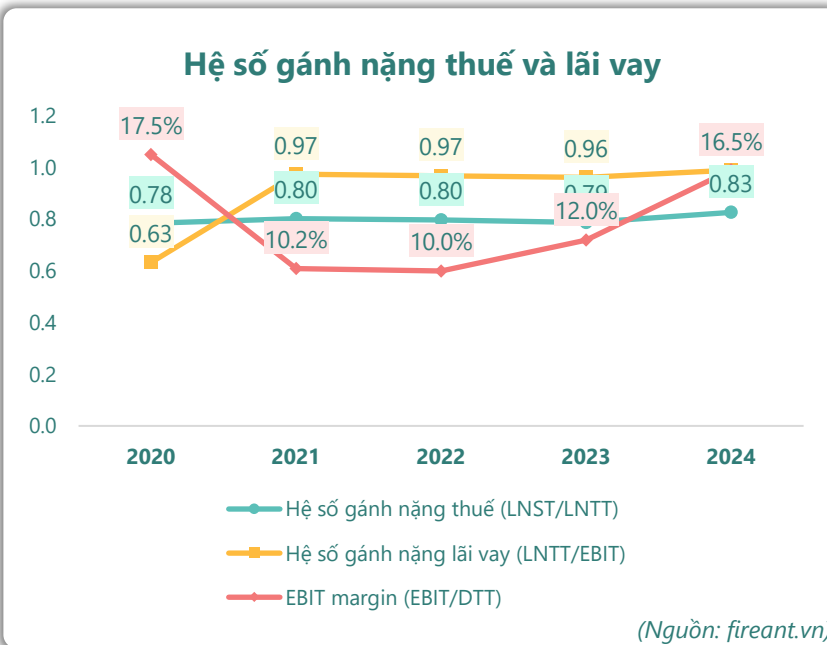
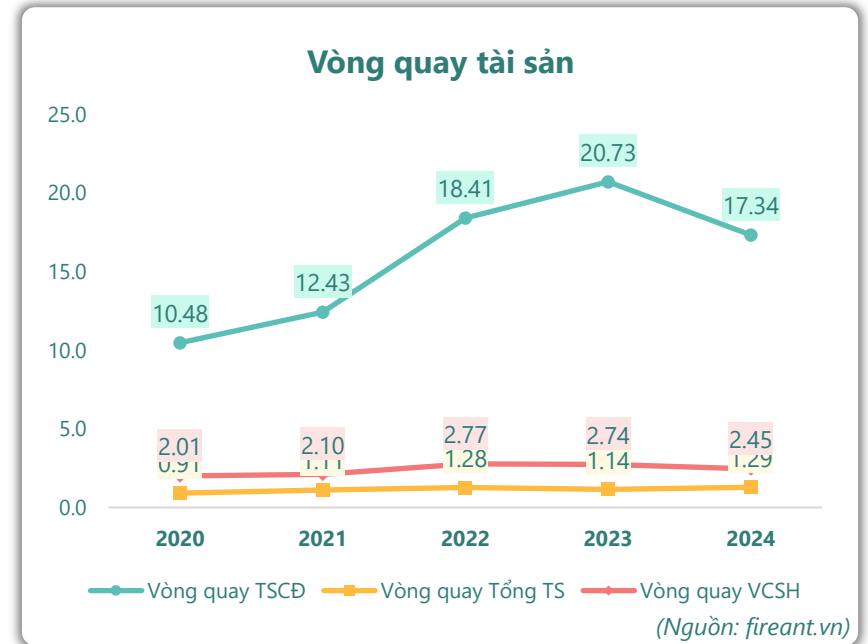
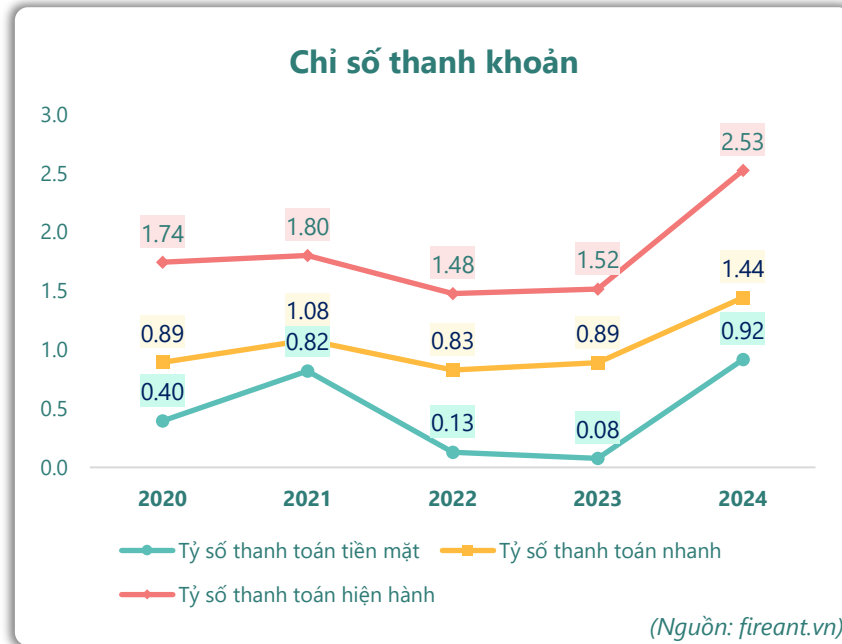
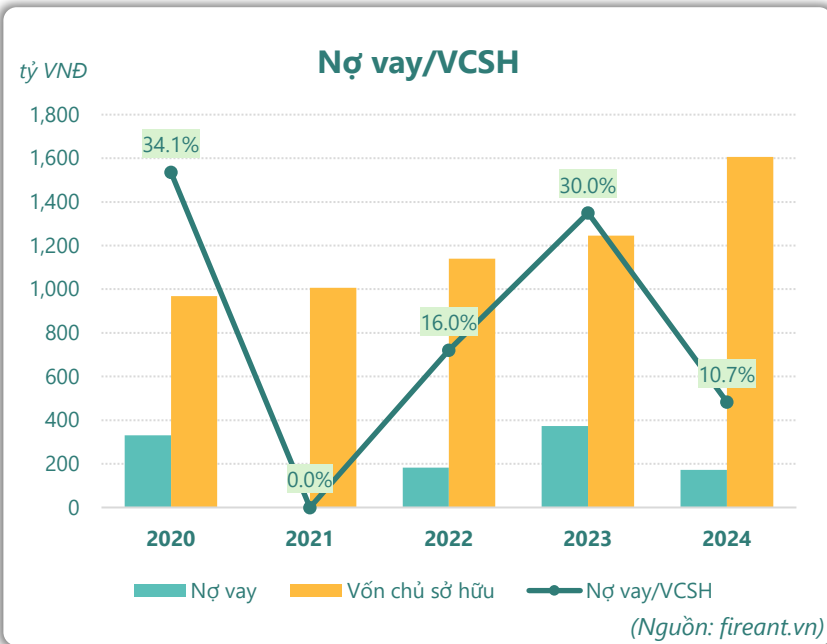
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,066	966	10.3%	3,497	3,262	7.2%
Giá vốn hàng bán	800	735	8.9%	2,588	2,483	4.2%
Lợi nhuận gộp	266	231	15.0%	909	779	16.7%
Doanh thu HĐTC	18.6	15.6	18.9%	128	71.9	78.2%
Chi phí TC	6.75	6.60	2.3%	107	39.3	172%
Chi phí lãi vay	1.51	2.17	-30.3%	6.10	15.1	-59.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		169	0	
Chi phí bán hàng	126	118	6.8%	439	353	24.4%
Chi phí QLDN	32.2	24.1	33.4%	91.2	81.6	11.7%
LN thuần từ HĐKD	119	97.6	22.2%	568	377	50.8%
Lợi nhuận khác	-0.11	0.93	-111%	2.11	-1.19	277%
LN trước thuế	119	98.5	20.9%	571	376	51.8%
Lợi nhuận sau thuế	95.2	78.7	20.9%	471	296	59.4%
LNST của CĐ cty mẹ	94.3	78.7	19.8%	470	296	59.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	61.0	-60.0	58.7	288	42.9	-452
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.79	191	24.6	70.2	611	-182
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-48.3	41.8	-355	-173	-69.9	-71.2
Tiền đầu kỳ	309	130	303	30.6	216	801
Lưu chuyển tiền thuần	20.6	173	-272	186	584	-705
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.12	0.04	-0.03	-0.01	0.02	0.01
Tiền cuối kỳ	330	303	30.6	216	801	95.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,349	2,496	-5.9%
Tài sản ngắn hạn	2,065	2,207	-6.4%
Tiền và tương đương tiền	95.9	801	-88.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	85.3	83.3	2.4%
Phải thu ngắn hạn	926	369	151%
Hàng tồn kho	949	946	0.3%
Tài sản ngắn hạn khác	8.85	8.10	9.2%
Tài sản dài hạn	283	289	-1.9%
Phải thu dài hạn	1.94	2.00	-3.1%
Tài sản cố định	246	250	-1.8%
Bất động sản đầu tư	13.9	14.1	-1.3%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	21.9	22.6	-2.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	650	890	-26.9%
Nợ ngắn hạn	634	874	-27.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	101	172	-41.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	59.4	121	-50.9%
Nợ dài hạn	16.2	16.3	-0.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,698	1,606	5.8%
Vốn chủ sở hữu	1,698	1,606	5.8%
Vốn điều lệ	417	417	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

